TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNP** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Sỹ Thái và ông Trần Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyênyễn Thị Thu Hền, Thư ký Toà án.

- Đại diện VKSND HuyệnP tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2024, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 08/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị U, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện P, TP. H;

2. *Bị đơn*: Anh Vũ Công H, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng:

- Ông Vũ Công H1, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

- Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 158, tiểu khu P, thị trấn P, huyện P, TP. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị U trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Công H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên ngày 30/10/2021 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình thường được khoảng 03 tháng đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong công việc làm ăn, chị khuyên ngăn anh H thận trọng trong việc đầu tư làm ăn nhưng anh H không nghe dẫn đến làm ăn thua lỗ ảnh hưởng kinh tế gia đình, từ khi xảy ra việc làm ăn thua lỗ anh H không đi làm gì mà ở nhà nạp tiền chơi game, lấy tiền riêng của chị đi chơi đánh bạc, uống rượu;

trong cuộc sống vợ chồng, anh H không hỗ trợ hoặc giúp đỡ chị được việc gì, chị có tham gia thì anh H không nghe và còn thường Xuyên tụ tập bạn bè đi uống rượu, những khi uống rượu say về nhà chửi và đánh đập chị. Mặc dù chị đã khuyên bảo anh H, cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả gì. Do mâu thuẫn nên chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 5/2022, chị ở một nhà, còn anh H ở một nhà riêng và đến đầu năm 2023 thì anh H chuyển hẳn về quê ở thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị và anh H không còn liên lạc, không còn quan tâm và không còn trách nhiệm với nhau. Đến nay chị khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện tại không có Hnh phúc, không có tương lai nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Công H.

- Về con chung: Chị và anh H chưa có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Vũ Công H nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai của anh H về vấn đề quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn H2 (là cậu ruột của chị U) trình bày:

Chị U và anh H được tự do tìm hiểu, tự Nguyênyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P vào ngày 30/10/2021. Sau khi kết hôn, chị U và anh H về sinh sống tại thôn C, xã N, huyện P, thành phố H. Ông nhận thấy thời gian đầu hai anh chị chung sống với nhau tình cảm bình thường, đến tháng 5/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau mỗi người ở một nhà, Nguyên nhân ông được biết do anh H mải chơi, không chịu lo làm ăn mà chơi đánh bạc trên mạng ảnh hưởng đến kinh tế của vợ chồng, chị U có tham gia khuyên ngăn thì anh H không nghe mà còn chửi và đánh đập chị U. Đến đầu năm 2023 anh H đã bỏ về quê ở xã Q, HuyệnP, tỉnh Hưng Yên sinh sống, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị U có đơn xin ly hôn anh H, ông đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết. Vợ chồng chị U, anh H chưa có con chung; không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì, giữa gia đình ông với vợ chồng chị U, anh H không có liên quan gì về vấn đề tài sản, công nợ, công sức đóng góp nên gia đình ông không có yêu cầu, đề nghị gì. Ông H2 đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

- Ông Vũ Công H1 (là bố đẻ anh H) trình bày:

Anh H và chị U có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2021 tại UBND xã Q theo quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng anh H sinh sống do ở xa nên gia đình ông không nắm được hai anh chị sống với nhau như thế nào. Đầu năm 2023, anh

H về gia đình ông sinh sống, ông có hỏi lý do nhưng anh H không nói, qua nắm bắt thông tin từ chị U là con dâu thì ông được biết hai anh chị xảy ra mâu thuẫn về vấn đề làm ăn, cụ thể thì chị U không nói. Từ đầu năm 2023 cho đến nay, anh H và chị U không chung sống cùng nhau, mỗi người ở một nơi. Nay chị U xin ly hôn anh H, hai anh chị không chung sống cùng nhau đã lâu, để giải thoát cho người phụ nữ, ông đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết theo yêu cầu của chị U. Anh H, chị U chưa có con chung, không có tài sản chung, không liên quan gì đến tài sản của gia đình ông nên gia đình ông không có yêu cầu, đề nghị gì.

Anh H làm nghề tự do, nay đây mai đó, anh H không nói cho ông biết cụ thể làm ở đâu, ông và anh H thường hay liên lạc với nhau qua ứng dụng messenger khi cần. Tòa án có gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H, ông đều đã nhận thay và đã thông báo lại cho anh H biết, còn lý do gì mà anh H không đến Toà án để làm việc thì ông không rõ. Nếu Tòa án cần giao các văn bản tố tụng cho anh H thì ông sẽ nhận thay và cam kết sẽ giao lại cho anh H hoặc sẽ thông báo lại cho anh H biết. Ông đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

UBND xã Q cung cấp thông tin:

Chị U và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 30/10/2021 theo quy định của pháp luật. Anh H và chị U chưa có con chung, vợ chồng anh H không sinh sống tại địa phương nên địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được. Nay chị U có đơn xin ly hôn anh H, quan điểm của địa phương đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết.

Công an xã Q cung cấp thông tin:

Anh Vũ Công H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên, chưa chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Hiện nay anh H không có mặt ở nhà, anh H không thuộc diện phải khai báo tạm vắng nên anh H đi đâu, làm gì thì địa phương không nắm được. Theo nắm bắt thông tin từ gia đình anh H thì được biết anh H làm nghề tự do, ở cùng với bố đẻ là ông Vũ Công H, khi nhà có công việc anh H về rồi lại đi làm.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt, trong đó: Nguyên đơn chị Trần Thị U có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vũ Công H vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; người làm chứng ông Nguyễn Văn H2, ông Vũ Công H vắng mặt và đều đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND HuyệnP phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị U, xử cho chị U được ly hôn với anh Vũ Công H. Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị U phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Toà án nhân dân HuyệnP nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Vũ Công H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Chị U có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị U có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Công H vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù Toà án đã tiến hành triệu tập, gửi các văn bản tố tụng cho anh H thông qua gia đình nhưng anh H đều không đến Toà án làm việc cho thấy anh H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung vắng mặt anh H và những người tham gia tố tụng khác.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị U và anh Vũ Công H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên ngày 30/10/2021 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chị U, anh H chung sống có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong công việc làm ăn, chị U khuyên ngăn anh H thận trọng trong đầu tư làm ăn nhưng anh H không nghe dẫn đến làm ăn thua lỗ ảnh hưởng kinh tế gia đình. Từ khi làm ăn thua lỗ anh H không tu chí làm ăn mà còn tụ tập bạn bè uống rượu, những khi uống rượu say còn chửi và đánh đập chị U. Chị U và anh H sống ly thân nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không còn liên lạc và không còn trách nhiệm với nhau. Đến nay chị U xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn

với anh H để chị sớm ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành triệu tập, gửi các văn bản tố tụng cho anh H thông qua gia đình nhưng anh H đều không đến Toà án làm việc cho thấy anh H cố tình không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, không mong muốn hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không còn liên lạc và quan tâm đến nhau đã từ lâu. Do vậy, chị U có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị U xác nhận, chị và anh H chưa có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Trần Thị U xác định giữa chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn chị U không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh H, Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh H về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung. Sau khi ly hôn, nếu anh H có đề nghị Toà án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng canh tác chung giữa anh H và chị U thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị U phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án, lệ phí Tòa án.

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị U, xử cho chị Trần Thị U được ly hôn với anh Vũ Công H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị U và anh Vũ Công H không có con chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Trần Thị U xác định giữa chị và anh Vũ Công H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu anh H có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung giữa anh H với chị U thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thị U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/23/0000667, ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự HuyệnP, chị U đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Mạnh Quyền